

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 7 - 2023.

V/v “Ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Luân.

Bà Lê Thị Kiểm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Y, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 05 tháng 6 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án, chị Lê Thị Yển là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 30 tháng 12 năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam được khoảng gần 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm dẫn đến tình cảm vợ chồng

ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình, đoàn thể địa phương hòa giải nhưng không thành. Giữa năm 2017, chị đã đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, huyện N, tỉnh Nam Định sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng và không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có 02 người con chung là cháu Trần Thị Yên C, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2009 và cháu Trần Tuấn Đ, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2016. Từ khi vợ chồng sống ly thân cả hai cháu ở với chị. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 7 năm 2023, anh Trần Văn T là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân của vợ chồng anh đúng như chị Y trình bày. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Y xin ly hôn anh, anh hoàn toàn nhất trí, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Yên.

Về con chung: Anh và chị Y có 02 người con chung là cháu Trần Thị Yên C, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2009 và cháu Trần Tuấn Đ, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2016. Từ khi vợ chồng sống ly thân cả hai cháu ở với chị Y. Khi ly hôn, nguyện vọng của anh là để chị Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

Do công việc bận, anh xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Y. 1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Y và anh Trần Văn T. 2. Con chung: Giao cháu Trần Thị Yến C, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2009 và cháu Trần Tuấn Đ, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2016 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị Yến. 3. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị Y yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Trần Văn T là bị đơn; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Trần Văn T là bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Y và anh Trần Văn T kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 12 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị Y, anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xảy ra đánh cãi, chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Theo các tài liệu xác minh tại địa phương và lời thừa nhận của các đương sự thì vợ chồng sống mỗi người một nơi đã nhiều năm, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng Y, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Y xin ly hôn, anh T nhất trí nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Y và anh Trần Văn T là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Y, anh T có hai người con chung là cháu Trần Thị Yến C, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2009 và cháu Trần Tuấn Đ, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2016. Từ khi vợ chồng sống ly thân cả hai cháu ở với chị Y, được chị Y nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần. Chị Y, anh T đều thống nhất giao cả hai con cho chị Yến trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Giao cháu Trần Thị Yến C và cháu Trần Tuấn Đ cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi

các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị Yến là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về con riêng: Không có.

[3] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị Y và anh Trần Văn T thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 75.000đồng án phí ly hôn. Tại phiên tòa, chị Y xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm (Chị Y xin chịu thay cả phần án phí ly hôn sơ thẩm của anh T). Xét thấy, sự tự nguyện của đương sự là phù hợp pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 57 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Y và anh Trần Văn T.

2. Con chung: Giao cháu Trần Thị Yến C, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2009 và cháu Trần Tuấn Đ, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2016 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị Y.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Lê Thị Y chịu 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Chị Y xin chịu thay cho cả phần án phí ly hôn sơ thẩm của anh T), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002116 ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Hoàn trả lại cho chị Y 150.000đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã Nhật Tựu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt